

Bản án số: 201/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2024

“Tranh chấp về thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: **Khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương**.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T1**, sinh ngày 28/12/1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương**;

Nơi cư trú hiện tại: Hàn Quốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1959; địa chỉ: **Khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương**.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Nguyễn Văn T** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị Ngọc T1** trước đây có quan hệ là vợ chồng. Ngày 22/8/2018 anh chị được Tòa án nhân dân huyện Nam

Sách, tỉnh Hải Dương giải quyết cho ly hôn. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2018, anh chị đã thỏa thuận về việc giao con chung Nguyễn Hồng D, sinh ngày 21/02/2011 cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và không bị cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc con chung. Sau khi ly hôn, anh thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà, bố anh đã chết, mẹ anh tuổi cao, già yếu không quan tâm, chăm sóc cháu D được. Cháu D ngày càng lớn, cần có sự quan tâm chăm sóc, dạy bảo của bố mẹ. Do vậy, anh đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Hồng D cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Hồng D tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị T1 không có mặt tại Việt Nam anh đề nghị giao con chung cho bố đẻ chị T1 là ông Nguyễn Văn H, ở khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương chăm sóc cho đến khi chị T1 về nước.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T1. Ông Nguyễn Văn H (là bố đẻ chị T1) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T1 biết về việc anh T có đơn đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị T1 xác định chị cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồng D cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị nhất trí quan điểm của anh T và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn H thay chị chăm sóc con Nguyễn Hồng D cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho ông H nuôi con và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn H nhất trí nhận ủy quyền của chị T1, ông có trách nhiệm chăm sóc cháu Nguyễn Hồng D cho đến khi chị T1 về nước.

Con chung của anh T và chị T1 là cháu Nguyễn Hồng D có nguyện vọng được ở với chị T1 và ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **T**, giao con chung **Nguyễn Hồng D**, sinh ngày 21/02/2011 cho chị **T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh **T** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu **Nguyễn Hồng D** cho ông **H** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị **T1** về nước. Anh **T** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn T** hiện đang cư trú tại **khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương**, bị đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc T1** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **khu L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Hiện chị đang lao động, sinh sống tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **T** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị **T1**. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị **Thủy cung c** địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **H** là bố đẻ chị **T1** để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa anh **T** và chị **T1**, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông **H** vẫn liên lạc với chị **T1** và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa anh **T** và chị **T1**. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh **T**, HĐXX xét thấy: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương quyết định: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Văn T** và chị **Nguyễn Thị Ngọc T1**. Giao cho anh **Nguyễn Văn T** tiếp tục nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Hồng D**, sinh ngày 21/02/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị **T1** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên sau khi ly hôn công việc của anh **T** thường xuyên phải đi làm ăn xa, không có đủ điều kiện chăm sóc con chung, bố anh đã chết, mẹ anh già yếu không hỗ trợ anh chăm sóc con chung được, cháu **Nguyễn Hồng**

D ngày càng lớn cần có sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục, dạy bảo của cha mẹ. Do vậy, anh đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và đề nghị giao con chung Nguyễn Hồng D cho chị T1 trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Ngọc T1 hiện đang lao động tại Hàn Quốc, chị nhất trí yêu cầu của anh T và đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồng D cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T và chị T1 thống nhất giao cháu Nguyễn Hồng D cho ông Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T1 không có mặt ở Việt Nam. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Nguyễn Hồng D cho chị T1 chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tạm giao cháu Nguyễn Hồng D cho ông Nguyễn Văn H chăm sóc cho đến khi chị T1 về nước.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 81, 82, 83 và điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hồng D, sinh ngày 21/02/2011 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T1 không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Hồng D cho ông Nguyễn Văn H chăm sóc cho đến khi chị T1 về nước.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000549 ngày 26 tháng 3 năm

2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, anh **T** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh **Nguyễn Văn T** và ông **Nguyễn Văn H** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị **Nguyễn Thị Ngọc T1** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu